TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân – Bà Nguyễn Thị Hà.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:422/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2019/ QĐ-HPT ngày 22/11 /2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh ngày 10/12/1991.

Trú tại: xóm 10A, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Phương N, sinh ngày 23/01/1990.

Trú tại: xóm 10A, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung :

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Đặng Phương N tổ chức cưới nhau vào tháng 02/2012, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của bạn bè xóm làng. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp

giấy chứng nhận kết hôn số: 09/2012 ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên tìm hiểu nhau không kỹ, sau khi sống chung thì thấy vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung hôn nhân, nên vợ chồng đã có những lời lẽ, xử sự không đúng mực đối với nhau gây mất tình cảm đôi bên dẫ đến hôn nhân rạn nứt. Sau khi mâu thuẫn xẩy ra chị N mong muốn níu kéo hôn nhân, nên chị đã nhiều lần hòa giải với chồng, gia đình hai bên, bạn bè đã góp ý vun vén để vợ chồng đoàn tụ những không đưa lại kết quả gì, ngược lại mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trầm trọng. Vợ chồng không sống ly thân, nhưng không còn quan tâm tới nhau nữa, cắt đứt các quan hệ vợ chồng, do không khí trong cuộc sống chung lúc nào cũng nặng nề, gây khó chịu cho nhau, có lúc anh N đã bỏ đi đâu một thời gian khá lâu sau đó mới về nhà, lúc anh N về nhà mâu thuẫn vợ chồng lại diễn ra. Chị N thấy hôn nhân đã đổ vỡ nên vợ chồng không hề liên lạc níu kéo hôn nhân, chị N xác định mất hết tình cảm đối với anh Đặng Phương N, hôn nhân giữa chị N, anh N đã thực sự đổ vỡ không thể hàn gắn chị N đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Phương N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Đặng Tuấn T(Giới tính: nam), sinh ngày 16/10/2012, con chung được vợ chồng nuôi dạy tốt, phát triển về mọi mặt, chị N đề nghị giao con chung cho chị nuôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Vũ Thị N không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Đặng Phương N không hợp tác,Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Vũ Thị N cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, trình bày của chị N tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị N đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Vũ Thị N, anh Đặng Phương N yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh N không chấp hành, không hợp tác.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Vũ Thị N có mặt, bị đơn anh Đặng Phương N vắng mặt không có

lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về nội dung:

+/ Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Đặng Phương N đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị N và anh N là hoàn tự nguyện, trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2010 ngày 02/4/2010 qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Đặng Phương N là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh N đã xẩy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là do hai bên tìm hiểu nhay không kỷ, sau khi sống chung vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, nên vợ chồng đã những lời nói, xử sự hành động không đúng mực đối với nhau dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Vợ chồng đã sống ly thân 8 năm, sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị N, anh N đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Vũ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Phương N là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

+/Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng cháu Đặng Tuấn T(Giới tính: nam), sinh ngày 16/10/2012 được chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị đã nuôi, dạy con tốt thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, con chung có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với mẹ, nay chị N đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Vũ Thị N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị N không yêu cầu anh Đặng Phương N cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến lúc có yêu cầu.

+/Về quan hệ tài sản: Chị Vũ Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

+/ Về án phí: Buộc chị Vũ Thị N phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

-Về quan hệ tình cảm: Chị Vũ Thị N được ly hôn anh Đặng Phương N.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Đặng Tuấn T(Giới tính: nam), sinh ngày 16/10/2012 cho chị Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đăng Phương N cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Đặng Phương N người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc chị Vũ Thị N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0000096 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Vũ Thị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt.

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã B(Nơi ĐKKH)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc